

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 9 - 2023
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 438/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thùy T, sinh năm 1988 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 6A, thị t, huyện T, tỉnh C.

Bị đơn: Ông Trần Ngọc G, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã R, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/5/2023, các văn bản kèm theo bà Đoàn Thùy T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2008, bà Đoàn Thùy T và ông Trần Ngọc G kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì bà T và ông G phát sinh nhiều mâu thuẫn trong lối sống, bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn

hạnh phúc, nên bà T không thể đoàn tụ gia đình với ông G. Bà T cương quyết ly hôn với ông G và yêu cầu Tòa án xét xử cho bà ly hôn ông Trần Ngọc G.

Về con chung: Có hai người con chung tên Trần Hạo V (giới tính nữ), sinh ngày 16/7/2012 và Trần Thảo V (giới tính nữ), sinh ngày 02/12/2020. Hiện tại Trần Hạo V và Trần Thảo V đang sống chung với bà T. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng Trần Hạo V và Trần Thảo V, bà T yêu cầu ông G cấp dưỡng đối với Trần Thảo V theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc đi lại gặp nhiều khó khăn để giải quyết việc ly hôn nên bà Đoàn Thùy T yêu cầu không hòa giải và xin vắng mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm, bà T vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện không có ý kiến gì khác.

Ông Trần Ngọc G đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng ông G vẫn không tham gia tố tụng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, cụ thể về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Đoàn Thùy T ly hôn với ông Trần Ngọc G; Về con chung: Có hai người con chung tên Trần Hạo V (giới tính nữ), sinh ngày 16/7/2012 và Trần Thảo V (giới tính nữ), sinh ngày 02/12/2020. Hiện tại Trần Hạo V và Trần Thảo V hiện tại đang sống chung với bà T. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng Trần Hạo V và Trần Thảo V, mặt khác Trần Hạo V có nguyện vọng chung sống cùng bà T, đối với Trần Thảo V từ trước đến nay vẫn chung sống với bà T, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Thảo V nên chấp nhận yêu cầu của bà T là phù hợp, ông G không có ý kiến gì với yêu cầu của bà T nên giao cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, ông G không có ý kiến gì nên buộc ông G cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Về tài sản chung và nợ chung không có, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Đoàn Thùy T xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

Ông Trần Ngọc G đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông G không cung cấp chứng cứ gì, ông G vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Năm 2008, bà Đoàn Thùy T và ông Trần Ngọc G chung sống với nhau như vợ chồng, đến năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm thường xuyên tranh cãi. Bà Đoàn Thùy T xác định không còn tình cảm dành cho ông G, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và bà T cương quyết ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Đoàn Thùy T và ông Trần Ngọc G không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa bà Đoàn Thùy T và ông Trần Ngọc G đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Ông G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, cho thấy ông G không mong muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình. Đối với yêu cầu của bà T, ông G không có ý kiến gì. Xét cho bà Đoàn Thùy T ly hôn với ông Trần Ngọc G là có cơ sở.

[3] Về con chung: Có hai người con chung tên Trần Hạo V (giới tính nữ), sinh ngày 16/7/2012 và Trần Thảo V (giới tính nữ), sinh ngày 02/12/2020. Hiện tại Trần Hạo V và Trần Thảo V hiện tại đang sống chung với bà T. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng Trần Hạo V và Trần Thảo V, mặt khác Trần Hạo V có nguyện vọng chung sống cùng bà T, đối với Trần Thảo V từ trước đến nay vẫn chung sống với bà T, để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu Thảo V, ông G không có ý kiến gì với yêu cầu của bà T nên giao cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T yêu cầu cấp dưỡng đối với cháu Thảo V, để đảm bảo cuộc sống cho cháu Thảo V được tốt hơn và cũng là nghĩa vụ của cha mẹ không trực tiếp nuôi con. Mặt khác ông G không có ý kiến gì nên buộc ông G cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đoàn Thùy T phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Đoàn Thùy T ly hôn với ông Trần Ngọc G.

2. Về con chung: Giao Trần Hạo V (giới tính nữ), sinh ngày 16/7/2012 và Trần Thảo V (giới tính nữ), sinh ngày 02/12/2020 cho bà Đoàn Thùy T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Ngọc G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 900.000 đồng, việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng, cấp dưỡng cho đến khi Trần Thảo V (giới tính nữ), sinh ngày 02/12/2020 thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Trần Ngọc G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đoàn Thùy T phải chịu 300.000 đồng. Bà Đoàn Thùy T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0018993 ngày 12/6/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Án phí cấp dưỡng: Buộc ông Trần Ngọc G phải chịu 300.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bà Đoàn Thùy T và với ông Trần Ngọc G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- UBND thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Ngọc Trọng